

Bản án số: 69/2020/HS-ST
Ngày 17-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Huy Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Vũ Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 59/2020/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thị Đ**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 22/02/1971 tại Q Y, Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 37, khu 10, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Trần Thị D; chồng: Trịnh Công T và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm: 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17/4/2020, tạm giữ đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh C**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 12/9/1968 tại U.B, Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 31, khu 9, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh M và bà Nguyễn Hồng M (đã chết); vợ: Nguyễn Thị G (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17/4/2020, tạm giữ đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

3. Họ và tên: **Lại Thị Thúy H**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 03/01/1983 tại U. B, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 33, khu 5, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Minh B và bà Vũ Thị T; chồng: Nguyễn Văn H và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/9/2009 bị Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí (Nay là thành phố Uông Bí) xử phạt 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội

“Đánh bạc”. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 17/4/2020, tạm giữ đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 20/01/1974 tại Đ.T, Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 34, khu 6, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị X; chồng: Bùi Hữu T và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm: 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17/4/2020, tạm giữ đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt.

5. Họ và tên: **Lê Văn N**, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 05/3/1978 tại Đ. T, Quảng Ninh. Nơi cư trú: Khu 4, phường X, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; vợ: Nguyễn Thị Y và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17/4/2020, tạm giữ đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt.

- *Người làm chứng:*

Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 38, khu 6, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

Ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 36B, khu 10, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 10 phút ngày 17/4/2020, tổ công tác Đội cảnh sát hình sự Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh phối hợp cùng với Công an phường Q, thành phố Uông Bí kiểm tra, bắt quả tang 05 đối tượng gồm Trần Thị Đ, Nguyễn Thanh C, Lại Thị Thúy H, Nguyễn Thị T và Lê Văn N đang có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Lôc” tại khu vực chiếu nghỉ tầng 3 nhà Trần Thị Đ tại tổ 37, khu 10, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 14.800.000 đồng, 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá bài, 01 tấm thảm vải có hoa văn màu đỏ. Ngoài ra còn thu giữ trong người Đ 20.500.000 đồng; trong người H 7.000.000 đồng; trong người T 4.600.000 đồng và trong người N 3.860.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận: Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 17/4/2020, C và H đến nhà Đ chơi thì Đ rủ hai người này đánh bạc được thua bằng tiền, dưới hình thức đánh “Lôc”, C và H đồng ý. Đ đi mua

01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài về rồi gọi điện thoại rủ T đến đánh bạc. Khoảng 10 giờ 10 phút cùng ngày thì T đến. Cả nhóm lên chiếu nghỉ tầng 3 nhà Đ trải thảm vải ra ngồi đánh “Lốc”. Bốn người thống nhất đánh “Lốc” như sau: Tại mỗi ván bài, mỗi người được chia 10 lá bài ngẫu nhiên. Thứ tự lá bài bé nhất là 3 cho đến lớn nhất là 2. Ván đầu tiên, người bốc cái sẽ là người đánh, lần lượt những người chơi còn lại đánh từ phải qua trái, không cần đồng chất, đồng màu. Ai đánh hết 10 lá bài trên tay trước là thắng ván bài đó, những người còn lại phải trả tiền cho người thắng số tiền tương đương với số lá bài còn lại trên tay, mỗi lá bài là 10.000 đồng, người nhất sẽ là người bắt đầu của ván bài sau. Khi có người đánh nhất mà người nào còn nguyên 10 lá bài trên tay thì gọi là “Lũng” phải trả cho người nhất 150.000 đồng. Ai tròn bài, tức là có 05 đôi hoặc các lá bài liên nhau thì “Báo bài”. Nếu không ai bắt được thì những người thua phải trả cho người báo bài 300.000 đồng/người; nếu có người chơi bắt được người báo bài thì người báo bài phải trả cho người “Bắt báo” 1.200.000 đồng. Khi bắt đầu chơi, Đ bỏ ra 3.200.000 đồng, C 4.500.000 đồng, H 3.500.000 đồng và T 3.000.000 đồng để đánh bạc. Cả nhóm bốn người chơi đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì Lê Văn N cùng chị Nguyễn Thị A đến nhà Đ chơi và ngồi xem đánh bạc. Sau đó N bỏ ra 600.000 đồng tham gia đánh bạc cùng nhóm của Đ. Từ khi N tham gia cả nhóm thống nhất “Bắt báo” là 1.500.000 đồng. Năm người chơi đến 14 giờ 10 phút thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang thu giữ tổng số tiền đánh bạc là 14.800.000 đồng cùng bộ tú lơ khơ 52 lá bài và 01 tấm thảm vải có hoa văn màu đỏ.

Tại Cáo trạng số: 62/CT-VKSUB ngày 21/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Trần Thị Đ, Nguyễn Thanh C, Lại Thị Thúy H, Nguyễn Thị T và Lê Văn N về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, giữ nguyên quan điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố; đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Trần Thị Đ, Nguyễn Thanh C, Lại Thị Thúy H, Nguyễn Thị T và Lê Văn N phạm tội: “Đánh bạc”, áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Thị Đ từ 12 – 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 – 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 BLHS, xử phạt: Lại Thị Thúy H từ 12 - 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách

từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 BLHS, xử phạt: Các bị cáo Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thị T từ đến 09 - 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 - 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt: Lê Văn N từ 06 - 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12- 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo Trần Thị Đ, Nguyễn Thanh C cho UBND phường Q, thành phố U; bị cáo Lại Thị Thúy H, Nguyễn Thị T cho UBND phường T, thành phố U; bị cáo Lê Văn N cho UBND phường X, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng quy định của pháp luật Thi hành án Hình sự.

-Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, nên đề nghị HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

-Về vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá bài, 01 tấm thảm vải có hoa văn màu đỏ; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 14.800.000 đồng; trả lại bị cáo Trần Thị Đ 20.500.000 đồng, Lại Thị Thúy H 7.000.000 đồng, Nguyễn Thị T 4.600.000 đồng và Lê Văn N 3.860.000 đồng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau, với lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị A; phù hợp với lời khai của người chứng kiến ông Đỗ Ngọc H; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố U lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 17/4/2020, cùng bản ảnh vật chứng, vị trí các bị cáo ngồi đánh bạc khi bị bắt quả tang. HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Vào hồi 14 giờ 10 phút ngày 17/4/2020, tại nhà Trần Thị Đ thuộc tổ 37, khu 10, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Trần Thị Đ, Nguyễn Thanh C, Lại Thị Thúy H, Nguyễn Thị T và Lê Văn N đang thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức

đánh “Lộc” thì bị Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 14.800.000 đồng và 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá bài. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: **“Đánh bạc”** theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố đối với các bị cáo và các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về hình phạt chính: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình. Các bị cáo là những người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc đánh bạc được thua bằng tiền là vi phạm, bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì háms lợi, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

-Xét vai trò và nhân thân của các bị cáo thấy: Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò chặt chẽ, mà các bị cáo cùng là những người thực hành. Bị cáo Trần Thị Đ là người khởi xướng và chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, nên Đ giữ vai trò đầu, tiếp đến là các bị cáo H, C và T là những người tham gia tích cực, đánh bạc từ đầu nên có vai trò ngang nhau, Lê Văn N tham gia đánh bạc sau cùng, nên N giữ vai trò cuối. Các bị cáo Đ, C, T và N là những người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; bị cáo H là người có nhân thân xấu đã bị kết án về tội “Đánh bạc” và bỏ ra số tiền lớn hơn bị cáo Đ, nên Hợi phải có mức hình phạt cao nhất, tiếp đến là bị cáo Đ; C và T phải chịu mức hình phạt ngang nhau, sau cùng là bị cáo N.

-Về tình tiết tăng nặng: Không có

-Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (Các bị cáo Đ, C, T và N phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51; bị cáo H có thành tích tốt trong việc phòng chống dịch Covid – 19 tại địa phương nơi cư trú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy các bị cáo nhất thời phạm tội, có địa chỉ cư trú rõ ràng. Vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương nơi cư trú là phù hợp, đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ số 32 đến số 36 cùng ngày 22/4/2020 đối với các bị cáo Trần Thị Đức, Nguyễn Thanh Cẩm, Lại Thị Thúy Hợi, Nguyễn Thị Thùy, Lê Văn Năm của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cần được hủy bỏ.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy các bị cáo là những người không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng, kinh tế khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Đối với số tiền 14.800.000 đồng thu trên chiếu bạc là tiền các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; đối với 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 01 tấm thảm vải có **hoa** văn màu đỏ là công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Đ 20.500.000 đồng; bị cáo H 7.000.000 đồng; bị cáo T 4.600.000 đồng và bị cáo N 3.860.000 đồng, là tiền của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại các bị cáo.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Thị Đ, Lại Thị Thúy H, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thị T và Lê Văn N** phạm tội: “**Đánh bạc**”.

1.1 Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự .

Xử phạt: **Trần Thị Đ 12** (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.2 Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Lại Thị Thúy H 15** (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.3 Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự .

Xử phạt: **Nguyễn Thanh C 09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt: **Nguyễn Thị T 09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt: **Lê Văn N 06** (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân phường X, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường X, thị xã Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy biện pháp ngăn chặn theo các lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 32,33,34,35,36/L-CDKNCT ngày 22/4/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo trong vụ án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền: 14.800.000đ (Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng); tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 01 tấm thảm vải hoa văn màu đỏ.

- Trả lại: bị cáo Trần Thị Đ số tiền 20.500.000đ (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng), Lại Thị Thúy H 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), Nguyễn Thị T 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) và Lê Văn N 3.860.000đ (Ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

(Toàn bộ số vật chứng, tài sản trên có đặc điểm, tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng và Bảng kê tiền tang vật ngày 25/5/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Thị Đ, Lại Thị Thúy H, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thị T và Lê Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- UBND phường Q, UB-QN;
- UBND phường T, UB-QN;
- UBND phường X, ĐT – QN;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Huy Hùng